

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày 26/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân

Bà Nguyễn Thị Huế

Bà Nông Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Nông Văn H**; Sinh ngày 02 tháng 12 năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm KM, xã HT, huyện B, tỉnh C

Nghề nghiệp: Cán bộ; Đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã HG huyện B, tỉnh C (Đang bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh C);

Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nông Văn L, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1953; có vợ Ngân Thị N, sinh năm 1985; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 3 năm 2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: Ông Đặng Chòi TR, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm PT, xã HG, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, do đang bị bắt giam trong vụ án khác).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Bà Nguyễn Thị TH - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Hoàng Mùi N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Xóm PT, xã HG, huyện BL, tỉnh CB (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người phiên dịch*: Ông Đặng Văn T; Công tác tại: Phòng Nội vụ huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông văn H, sinh năm 1982 trú tại KM, HT, B, C giữ chức Trưởng Công an xã HG, huyện BL từ ngày 01/10/2017 theo Quyết định về việc chuyển đổi vị trí công tác công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân huyện B số 3024/QĐ-UBND ngày 15/9/2017. Từ ngày 01/4/2020 H giữ chức Phó Trưởng Công an xã HG theo Quyết định về việc tạm thời phân công thực hiện nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã số 325/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B. Trong thời gian giữ chức vụ Trưởng Công an xã HG, vào ngày 04/3/2020 H tiếp nhận vụ việc Đặng Chòi TR, sinh năm 1979 trú tại PT, xã HG, huyện B có hành vi hiếp dâm con gái là Hoàng Mùi CH, sinh ngày 10/02/1999. Sau khi tiếp nhận vụ việc, vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 05/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HG, huyện B, tỉnh C, H tiến hành lấy lời khai của Đặng Chòi TR, quá trình ghi lời khai TR thừa nhận hành vi hiếp dâm con gái của mình vào ngày 04/03/2020. Sau khi ghi lời khai xong, TR chủ động đặt vấn đề nhờ H giúp đỡ cho mình không bị xử lý hình sự về hành vi hiếp dâm với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhưng H chưa nhận lời. Khoảng mấy ngày sau (không nhớ ngày cụ thể), TR gọi điện vào số 0816.659.387 của H với mục đích tiếp tục nhờ H lo lót giúp, H đồng ý với điều kiện TR phải chuẩn bị số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), nếu không giúp được thì sẽ trả lại tiền cho TR, TR đồng ý và nói “*khi nào có đủ tiền sẽ gọi điện*”. Đến cuối tháng 4/2020, vào buổi chiều (không nhớ ngày cụ thể là ngày chợ LP) TR gọi điện cho H hẹn địa điểm đưa tiền, H đồng ý và cả hai gặp nhau ở đoạn đường tránh qua khu chợ LP, thuộc xóm LP, xã HG, huyện B, tỉnh C. Tại đây TR đưa cho H số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) gồm các tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng và H nói “*nếu không giúp được sẽ trả lại*”. Khi giao nhận tiền chỉ có TR và H biết, sau đó cả hai đến quán tạp hóa của vợ chồng CT (ở gần đây) uống mỗi người một lon bia rồi đi về, trước khi về H dặn TR “*đừng nói với ai về việc đưa tiền*”. Sau khi nhận tiền của TR, H đã sử dụng vào nhu cầu cá nhân hết 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngày 12/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Đặng Chòi TR về tội Hiếp dâm. Sau khi bị khởi tố, TR đã tố cáo hành vi nhận tiền của H. Thấy sự

việc bị bại lộ, đến khoảng giữa tháng 11/2020 (không nhớ ngày cụ thể) H đến nhà riêng của TR tại xóm PT, xã HG, huyện B tìm gặp Hoàng Mùi N (vợ TR) và hẹn bà TR lên Ban quản lý chợ LP, xã HG là nơi ở của H, N đồng ý và đến địa điểm trên gặp H. H nói “đây là số tiền 17.000.000 đồng H giữ giúp TR để sau này làm nhà, TR đã bị bắt nên trả lại cho N”, N không nói gì nhận số tiền Huy đưa (được chia làm nhiều tệp có nhiều mệnh giá khác nhau) rồi đi về nhà. Khi giao nhận tiền chỉ có H và N biết. Sau khi nhận tiền với H, Hoàng Mùi N đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh C

Quá trình điều tra, Đặng Chòi TR khai nhận: Ngày 05/3/2020 H gọi ông đến Ủy ban nhân dân xã HG để ghi lời khai về nội dung ông có hành vi hiếp dâm con gái ruột vào ngày 04/3/2020. Do sợ bị xử lý về hành vi hiếp dâm nên ông đã chủ động gọi điện thoại nhờ H giúp lo lót để không bị xử lý. Lần đầu tiên sau khi trao đổi H nói cần 10.000.000 đồng và nói khi nào Công an huyện đến làm việc thì mang tiền cho H, nhưng do hôm đó ông ngủ quên nên vài ngày sau ông chủ động gọi H nhờ giúp đỡ thì H nâng mức tiền lên là 17.000.000 đồng. Ông đã đưa tiền cho H vào buổi trưa một ngày cuối tháng 4 năm 2020, địa điểm đưa tiền tại đoạn đường tránh gần Ủy ban nhân dân xã HG, khi đưa tiền chỉ có ông và H. Tuy nhiên sự việc có vợ ông biết do số tiền 17.000.000 đồng là một phần trích trong khoản 50.000.000 đồng ông và vợ vay Ngân hàng Nông nghiệp huyện B để làm nhà. Ông không có đề nghị về hình phạt, không yêu cầu bồi thường do H đã trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho vợ của ông là Hoàng Mùi N.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Mùi N khai nhận: Đặng Chòi TR là chồng của bà, bà không có mối quan hệ gì với Nông Văn H. Ngày 04/3/2020 chồng bà giao cầu với con gái ruột và bị con rể là Hoàng Tồn N phát hiện. Sau đó bà được đưa số tiền 17.000.000 đồng cho chồng là Đặng Chòi TR để đưa cho H vào khoảng cuối tháng 4 năm 2020. Sau khi chồng bà bị Công an huyện bắt khoảng hai ngày H có đến nhà, hẹn gặp riêng bà và nói “đang cầm số tiền của TR, giữ giúp TR cất để làm nhà, TR bị bắt nên trả lại”. Bà đã nhận lại đủ số tiền 17.000.000 đồng và sau đó đã nộp cho cơ quan Công an.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSBL ngày 12/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn H về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn H theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử Nông Văn H về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo với khung hình phạt từ 24 (Hai mươi tư) đến 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (Bốn mươi tám) đến 60 (Sáu mươi) tháng. Ngoài hình phạt chính bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 (một) đến 02 (hai) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị hại Đặng Chòi TR toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/6/2021.

Bị cáo Nông Văn H thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Bà Nguyễn Thị TH - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày: Nhất trí với quan điểm truy tố đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây mất lòng tin của nhân dân đồng thời xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Sau khi bị phát giác bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền bị chiếm đoạt. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc tuyên xử đối với bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo để giáo dục cải tạo cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại được bị cáo trả lại hiện nay đã được giao nộp cho cơ quan điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Văn H thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã vượt ra ngoài phạm vi chức vụ, quyền hạn của mình mà pháp luật cho phép, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước. Đồng thời còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân.

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

“ Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm...

a)...; b)..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nông Văn H về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 355 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung "cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định ..." tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân: Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Nông Văn H sinh ra và lớn lên tại xã HT, huyện B, tỉnh C. Bị cáo có nhân thân tốt, giữ chức vụ Trưởng Công an xã HG từ tháng 9/2017, từ 01/4/2020 giữ chức vụ Phó Trưởng Công an xã HG theo Đề án 2300 của Ủy ban nhân dân tỉnh C. Với cương vị công tác của mình bị cáo đã không giữ được bản lĩnh, ham muốn vật chất mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, gây thiệt hại đến tài sản của người khác và tạo dư luận xấu gây mất an ninh chính trị, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của là sai nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo hợp tác với Cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình. Đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải các ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần đưa ra một mức án phù hợp để giám sát giáo dục bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 (Một) túi nylon màu đỏ kèm theo số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) trong đó gồm: 18 (Mười tám) tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); 08 (Tám) tệp tiền, mỗi tệp có tổng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng):

Gồm: (Tệp thứ nhất: Gồm 08 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và tờ tiền 200.000đ trong đó tờ tiền 200.000đ kẹp ngoài có số seri 19273633; Tệp thứ hai: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 09668141; Tệp thứ ba: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp

ngoài có số seri 16653254; Tập thứ tư: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 16451406; Tập thứ năm: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 11230901; Tập thứ sáu: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 18991511; Tập thứ bảy: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 19286470; Tập thứ tám: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 500.000đ và 05 tờ tiền mệnh giá 100.000đ trong đó tờ tiền 100.000đ kẹp ngoài có số seri 19251212). Là số tiền bị cáo Nông Văn H trả lại cho gia đình bị hại Đặng Chòi TR được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Mùi N giao nộp cho cơ quan Công an, xét cần được trả lại cho bị hại.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nông Văn H 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Văn H cho Ủy ban nhân dân xã HG, huyện B, tỉnh C giám sát, giáo dục. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Nông Văn H với thời gian 02 (Hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho bị hại Đặng Chòi TR trú tại xóm PT, xã HG, huyện B, tỉnh C. 01 (Một) túi nylon màu đỏ kèm theo số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) trong đó gồm: 18 (Mười tám) tờ mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); 08 (Tám) tờ tiền, mỗi tờ có tổng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng):

Gồm: (Tập thứ nhất: Gồm 08 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và tờ tiền 200.000đ trong đó tờ tiền 200.000đ kẹp ngoài có số seri 19273633; Tập thứ hai: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 09668141; Tập thứ ba: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 16653254; Tập thứ tư: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong

đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 16451406; Tệp thứ năm: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 11230901; Tệp thứ sáu: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 18991511; Tệp thứ bảy: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong đó tờ tiền kẹp ngoài có số seri 19286470; Tệp thứ tám: Gồm 05 tờ tiền mệnh giá 500.000đ và 05 tờ tiền mệnh giá 100.000đ trong đó tờ tiền 100.000đ kẹp ngoài có số seri 19251212)

Toàn bộ vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/6/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nông Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị hại. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã HG;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doanh Thị Mây